TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 14 - 3 - 2024
V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xửsơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST–DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp chia thừa kế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị B: Ông Lư Trường L sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh B.

- ***Bị đơn***: Anh Kiều Thành C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1/ Chị Kiều Kim Chi sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

2/ Chị Kiều Thị Kh, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp An N, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

3/ Chị Kiều Thị Kim Ph (tên tiếng Anh là Chiao Chin - Feng), sinh năm 1979. Địa chỉ: 2F No13, Lane 340 sec 2, Fusing SRT, Taipen City, Taiwan Dann District, China.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Kiều Thị Kim Ph: Anh Kiều Thành C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

4/ Cháu Kiều Tr, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp V, xã V P, huyện Ph, tỉnh B.

5/ Cháu Kiều Ch, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp V, xã V P, huyện Ph, tỉnh B.

6/ Cháu Kiều Thị Kim D, sinh ngày 23/02/2011. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

7/ Cháu Kiều Bích Ng, sinh ngày 04/5/2011. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

8/ Cháu Kiều Thành V, sinh ngày 15/8/2013. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Kiều Bích Ng và cháu Kiều Thành V: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B là bà ngoại của 02 cháu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết M: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1981. Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2023).

9/ Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

10/ Anh Lê Hữu Ph, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B.

(Bà B, ông L, anh C, chị P, chị H, cháu Ch có mặt, các đương sự khác vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị B, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Kiều Thị Kim D trình bày: Bà và ông Kiều Văn Q là vợ chồng chung sống từ năm 1978. Quá trình chung sống, vợ chồng bà đã tạo lập 11 phần đất, được cơ quan có thẩm quyền cấp 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà và ông Kiều Văn Q đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: 1/ Quyền sử dụng đất số AO 020294, tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.382,1m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 31/7/2009; 2/ Quyền sử dụng đất số AO 020297, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 32, diện tích 5.010,8m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 31/7/2009; 3/ Quyền sử dụng đất số CD 891984, tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 77, có diện tích 1.112,2m^2 đất trồng cây lâu năm, cấp ngày 12/9/2016; 4/ Quyền sử dụng đất số AO 020295, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.219,8m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 31/7/2009; 5/ Quyền sử dụng đất số AO 020296, tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.032m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 31/7/2009; 6/ Quyền sử dụng đất số AO 020298, tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 32, diện tích 12.493m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 31/7/2009; 7/ Quyền sử dụng đất số AO 020290, tại thửa đất số 959, tờ bản đồ số 09, diện tích 3.664,7m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 31/7/2009; 8/ Quyền sử dụng đất số AO 020292, tại thửa đất số 10, tờ

bản đồ số 77, diện tích 239,4m^2 đất ở tại đô thị, cấp ngày 31/7/2009; 9/ Quyền sử dụng đất số BY 633302, tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.512,7m^2 đất trồng cây lâu năm, cấp ngày 26/3/2015; 10/ CN 583997 tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.798,7m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 04/6/2018; 11/ Quyền sử dụng đất số CN 583998, tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 32, diện tích 5.853,4m^2 đất trồng lúa, cấp ngày 04/6/2018. Tất cả các phần đất toạ lạc tại Ấp P, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B. Trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77 có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 do bà và ông Q xây dựng. Ông Kiều Văn Q đã chết ngày 30/6/2022, không để lại di chúc. Cha của ông Q là ông Kiều Văn Đáng chết năm 1998 và mẹ của ông Q là bà Nguyễn Thị Quí chết năm 2019. Ông Q không có cha mẹ nuôi. Bà B và ông Q có tất cả 05 người con gồm: 1/ Kiều Thị Kim Ph; 2/ Kiều Kim Chi; 3/ Kiều Thành H (đã chết vào ngày 23/3/2020). Khi còn sống, anh H kết hôn cùng chị Phan Thị Gấm, có 02 người con chung tên Kiều Tr và Kiều Ch. Đồng thời anh H và chị Gấm có nhận 01 người con nuôi tên Kiều Thị Kim D hiện đang sống với bà, bà đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D. Sau khi anh H không còn chung sống với chị Gấm nữa thì anh H kết hôn với chị Huỳnh Thị Phượng (đã chết ngày 24/10/2021). Anh H và chị Phượng có 02 người con ruột tên Kiều Bích Ng và Kiều Thành V (cháu Ng và Vinh đang sống với bà ngoại tên Mai); 4/ Kiều Thành C; 5/ Kiều Thị Kh. Ngoài ra, bà và ông Q không có con nuôi, con riêng nào khác. Hiện nay, bà chỉ quản lý, sử dụng căn nhà trên phần đất ở; còn lại toàn bộ diện tích đất do anh Kiều Thành C và vợ tên Nguyễn Thị Hồng P sử dụng. Tất cả các tài sản trên là tài sản chung của bà và ông Q tạo lập. Ông Q chết không để lại di chúc, sau khi ông Q chết thì gia đình bà B chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Nay bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế với tổng diện tích đất 43.318,8m^2 (trong đó có 239,4m^2 đất ở; 2.624,9m^2 đất trồng cây lâu năm; 40.454,5m^2 đất trồng lúa) và 01 căn nhà cấp 4 theo quy định pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà và các con tên Phụng, Cổn, Chi, Khen và những người thuộc hàng thừa kế thế vị của anh H là cháu Kiều Tr, Kiều Ch, Kiều Thị Kim D, Kiều Bích Ng và Kiều Thành V. Bà yêu cầu được chia phần thờ cúng ông Q và nhận hiện vật là tất cả các phần đất và nhà gắn liền với đất, đồng ý hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các con và cháu theo quy định của pháp luật. Đối với các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và cây trồng trên đất thì bà không yêu cầu. Đối với phần đất cho anh Phước thuê thì bà tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê và không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại phiên toà, bà B có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà B yêu cầu nhận ½ tài sản chung giữa bà và ông Q trong tổng diện tích đất 43.318,8m^2 (trong đó có 239,4m^2 đất ở; 2.624,9m^2 đất trồng cây lâu năm; 40.454,5m^2 đất trồng lúa) và 01 căn nhà cấp 4 do tài sản chung của vợ chồng, còn ½ là di sản của ông Q, bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với 2 cháu tên Kiều Bích Ng và Kiều Thành V thì bà B tự nguyện chia giá trị di sản thừa kế cho mỗi cháu là 100.000.000 đồng, 2 cháu là 200.000.000 đồng cho bà ngoại cháu là bà Nguyễn Thị Tuyết M quản lý để giao lại cho 2 cháu khi trưởng thành, bà B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, tự nguyện chịu án phí cho cháu Ng, cháu D và cháu V. Đây là sự tự nguyện của bà B, yêu cầu toà án ghi nhận.

Bị đơn anh Kiều Thành C trình bày: Về quan hệ gia đình như bà Bùi Thị B trình bày là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ anh tạo lập, cha mẹ anh đã hứa cho anh nên anh cùng vợ quản lý, sử dụng. Nhưng do chưa thực hiện thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B, đồng ý giao các phần đất cho bà B trực tiếp quản lý, sử dụng, anh đồng ý nhận giá trị kỷ phần của anh được nhận. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kiều Kim Chi trình bày: Về quan hệ gia đình và nguồn gốc các tài sản theo bà Bùi Thị B trình bày là đúng. Bà B yêu cầu chia di sản của cha chị chết để lại theo quy định của pháp luật cho bà B và các anh chị em, các cháu của chị là con anh H thì chị đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nếu có chia kỷ phần thừa kế cho chị thì chị nhường lại kỷ phần của chị cho bà Bùi Thị B được hưởng toàn bộ. Chị yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt chị trong các giai đoạn tố tụng. Ngoài ra, chị không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kiều Thị Kh trình bày: Về quan hệ gia đình và nguồn gốc các tài sản theo bà Bùi Thị B trình bày là đúng. Bà B yêu cầu chia di sản của cha chị chết để lại theo quy định của pháp luật cho bà B và các anh chị em, các cháu của chị là con anh H thì chị đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nếu có chia kỷ phần thừa kế cho chị thì chị nhường lại kỷ phần của chị cho bà Bùi Thị B được hưởng toàn bộ. Chị yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt chị trong các giai đoạn tố tụng. Ngoài ra, chị không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kiều Thị Kim Ph và người đại diện theo uỷ quyền của chị Ph là anh Kiều Thành C trình bày: Về quan hệ gia đình và nguồn gốc các tài sản theo bà Bùi Thị B trình bày là đúng. Bà B yêu cầu chia di sản của cha chị chết để lại theo quy định của pháp luật cho bà B và các anh chị em, các cháu của chị là con anh H thì chị Ph đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nếu có chia kỷ phần thừa kế cho chị Ph thì chị Ph nhường lại kỷ phần của chị cho bà Bùi Thị B được hưởng toàn bộ. Ngoài ra, chị Ph không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Kiều Tr trình bày: Cháu là con của cha Kiều Thành H, mẹ Phan Thị Gấm. Về quan hệ gia đình và nguồn gốc các tài sản theo bà nội Bùi Thị B trình bày là đúng. Cha cháu đã chết trước ông nội Kiều Văn Q. Cháu thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của bà nội Bùi Thị B. Trường hợp cháu được chia kỷ phần thừa kế thế vị của cha Kiều Thành H thì cháu nhường lại kỷ phần của cháu cho bà nội Bùi Thị B được hưởng toàn bộ. Cháu yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng. Ngoài ra, cháu không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Kiều Ch trình bày: Cháu là con của cha Kiều Thành H, mẹ Phan Thị Gấm. Về quan hệ gia đình và nguồn gốc các tài sản theo bà nội Bùi Thị B trình bày là đúng. Cha cháu đã chết trước ông nội Kiều Văn Q. Cháu thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của bà nội Bùi Thị B. Trường hợp cháu được chia kỷ phần thừa kế thế vị của cha Kiều Thành H thì cháu nhường lại kỷ phần của cháu cho bà nội Bùi Thị B được hưởng toàn bộ. Tại phiên toà, cháu vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ngoài ra, cháu không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Kiều Thị Kim D là bà Bùi Thị B trình bày: Bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, con nuôi của anh H, chị Gấm. Bà thống nhất ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn. Bà đồng ý nhận kỷ phần của cháu D để giữ cho cháu và giao lại cho cháu khi cháu đủ 18 tuổi, bà không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Chị thống nhất ý kiến, yêu cầu của chồng chị là anh C, chị không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu Ph trình bày: Anh có ký hợp đồng thuê diện tích đất 720m^2 tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 32 với bà Bùi Thị B theo hợp đồng thuê lập ngày 08/02/2023, thời hạn thuê đến ngày 30/12/2027. Mục đích thuê là để kinh doanh quán nước, ăn uống. Anh chỉ thuê đất của bà B, các tài sản trên đất là của anh xây dựng. Hai bên thoả thuận, khi hết thời hạn thuê thì anh di dời tài sản để trả lại đất cho bà B và khi nào hết hạn thuê thì hai bên sẽ trao đổi, thoả thuận tiếp. Nay đất anh thuê có tranh chấp thì anh không có ý kiến gì nhưng anh yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê với bà B.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Kiều Bích Ng, Kiều Thành V là bà Nguyễn Thị Tuyết M do người đại diện theo uỷ quyền chị Huỳnh Thị H trình bày: Chị Phượng là con gái của bà Mai, cháu Ng và cháu V là con của anh H, chị Phượng. Sau khi anh H, chị Phượng chết thì bà Mai là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và cháu V. Chị đại diện theo uỷ quyền của bà Mai thống nhất yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến bị đơn. Bà Mai đồng ý nhận kỷ phần của cháu Ng, cháu V theo sự tự nguyện của bà B mỗi cháu 100.000.000 đồng (02 cháu là 200.000.000 đồng) để quản lý cho 02 cháu và giao lại cho cháu khi trưởng thành, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, 101, 104, 147, 157 và Điều 165 BLTTDS năm 2015; Điều 213, 609, 610, Điều 611, 612, 613, 623, 645, 649, 650, 651, 652 BLDS năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản đối với 11 diện tích đất qua đo đạc là 43.318,8m^2 do ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Bùi Thị B có trách nhiệm hoàn trả giá trị đối với di sản thừa kế cho anh Kiều Thanh C số tiền 353.272.461 đồng;

Buộc bà Bùi Thị B có trách nhiệm trả giá trị cho anh Trần Văn Cổn số tiền 353.272.461 đồng và cháu Kiều Thị Kim D số tiền 70.654.492 đồng do bà B đồng ý nhận kỷ phần của cháu D và giao lại khi cháu D tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị B trả giá trị kỷ phần cho các cháu Kiều Thành V, Kiều Bích Ng mỗi cháu số tiền 100.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Tuyết M nhận và giao lại khi các cháu tròn 18 tuổi.

Bà Bùi Thị B được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế của chị Kiều Thị Kim Ph, chị Kiều Thị Kh, chị Kiều Kim Chi, cháu Kiều Tr và cháu Kiều Ch.

2. Bà Bùi Thị B được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với các diện tích nêu trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận theo sự tự nguyện của bà Bùi Thị B và theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Bùi Thị B với anh Kiều Thành C là tranh chấp dân sự về việc chia di sản thừa kế; do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kiều Thị Kim Ph đang định cư nước ngoài (Đài Loan) nên căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: chị Ch, chị Kh, cháu Tr, anh Phước có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên toà, nguyên đơn bà Bùi Thị B có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà B yêu cầu nhận ½ tài sản trong khối tài sản chung giữa bà và ông Q do tài sản là của chung của bà B và ông Q tạo lập ra trong thời gian vợ chồng chung sống nên yêu cầu nhận phần của bà, còn lại ½ là di sản của ông Q nên yêu cầu chia di sản của ông Q cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Q theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà B nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[3.2] Xét về thời hiệu: Bà Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Kiều Văn Q chết để lại, không có di chúc. Tại trích lục khai tử xác định ông Q chết ngày 30/6/2022. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự, bà Bùi Thị B yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Kiều Văn Q vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3.3] Về hàng thừa kế: Theo sự thống nhất của các đương sự xác định cha ông Q tên Kiều Văn Đáng chết vào năm 1998 và mẹ ông Q tên Nguyễn Thị Quí chết năm 2019. Ông Q không có cha mẹ nuôi. Ông Q và bà B là vợ chồng chung sống từ năm 1978. Bà và ông Q có tất cả 05 người con gồm: 1/ Kiều Thị Kim Ph; 2/ Kiều Kim Chi; 3/ Kiều Thành H; 4/ Kiều Thành C; 5/ Kiều Thị Kh. Anh Kiều Thành H đã chết vào ngày 23/3/2020. Anh H có vợ tên Phan Thị Gấm, có 02 người con chung tên Kiều Tr và Kiều Ch và có nhận 01 người con nuôi tên Kiều Thị Kim D hiện đang sống với bà Bùi Thị B. Khi anh H không còn chung sống với chị Gấm thì anh H kết hôn với chị Huỳnh Thị Phượng (đã chết ngày 24/10/2021). Anh H và chị Phượng có 02 người con chung tên Kiều Bích Ng và Kiều Thành V (cháu Ng và Vinh đang sống với bà ngoại tên Nguyễn Thị Tuyết M). Ngoài ra, bà B và ông Q không có con nuôi, con riêng nào khác. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Q có 06 người gồm: bà B, chị Ph, chị Ch, chị Kh, anh C và anh H nhưng anh H đã chết thì các con của anh H gồm cháu Tr, cháu Ch, cháu D, cháu Ng và cháu V được hưởng thừa kế thế vị của anh H.

[3.4] Xét di sản thừa kế: Các bên đương sự thống nhất xác định, trong quá trình chung sống, bà B và ông Q đã tạo lập 11 phần đất, được cơ quan có thẩm quyền cấp 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bùi Thị B và ông Kiều Văn Q đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau:

[3.4.1] Về quyền sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 32 có giá 44.000 đồng/m^2 x 1.798,7m^2 = 79.142.800 đồng;

- Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 77 có giá 220.000 đồng/m^2 x 1.112,2m^2 = 244.684.000 đồng;

- Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 77 có giá 220.000 đồng/m^2 x 1.512,7m^2 = 332.794.000 đồng;

- Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 31 có giá 200.000 đồng/m^2 x 3.032m^2 = 606.400.000 đồng;

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31 có giá 200.000 đồng/m^2 x 1.219,8m^2 = 243.960.000 đồng;

- Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 32, có 3 giá ở 3 vị trí gồm: vị trí 1 có giá 200.000 đồng/m^2; vị trí 2 có giá 150.000 đồng/m^2; vị trí 3 có giá 80.000 đồng/m^2. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất giá chung là vị trí 2 có giá 150.000 đồng/m^2 x 5.010,8m^2 = 751.620.000 đồng;

- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77 có giá 1.100.000 đồng/m^2 x 239,4m^2 = 263.340.000 đồng;

- Thửa đất số 177, tờ bản đồ số 32 có giá 200.000 đồng/m^2, có 2 giá ở 2 vị trí gồm: vị trí 2 có giá 50.000 đồng/m^2; vị trí 3 có giá 44.000 đồng/m^2. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất giá chung là 47.000 đồng/m^2 x 12.493m^2 = 587.171.000 đồng;

- Thửa đất số 959, tờ bản đồ số 9 có giá 50.000 đồng/m^2 x 3.664,7m^2 = 183.235.000 đồng;

- Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 9 có giá 44.000 đồng/m^2 x 7.381,1m^2 = 324.768.000 đồng;

- Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 32 có giá 44.000 đồng/m^2 x 5.853,4m^2 = 257.549.600 đồng.

Tổng giá trị các quyền sử dụng đất: 3.874.664.800 đồng.

[3.4.2] Về tài sản gắn liền với đất và giá trị tài sản gắn liền với đất:

Nhà và hàng rào trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77:

- Nhà chính: diện tích 87m^2 x 3.570.097 đ/m^2 = 310.598.439 đồng.

- Nhà giữa: diện tích 54,81m^2 x 3.937.708 đ/m^2 = 215.825.775 đồng.

- Nhà Sau: diện tích 66,99m^2 x 2.711.514 đ/m^2 = 181.644.322 đồng.

- Hàng rào: diện tích 33m^2 x 1.316.668 đ/m^2 = 43.450.044 đồng.

Nhà kho và hàng rào trên thửa đất số 72, tờ bản đồ số 77:

- Nhà kho: diện tích 243m^2 x 987.000 đ/m^2 = 239.841.000 đồng.

- Hàng rào: diện tích 60,6m^2 x 1.316.668 đ/m^2 = 79.790.080 đồng.

Tổng giá trị nhà, hàng rào: 1.071.149.660 đồng.

Tổng giá trị nhà và đất: 3.874.664.800 đồng + 1.071.149.660 đồng = 4.945.814.460 đồng. Các vật dụng trong nhà, các loại cây trồng trên đất các bên đương sự thống nhất xác định không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Như vậy, có căn cứ xác định toàn bộ phần đất tranh chấp diện tích 43.318,8m^2 (trong đó có 239,4m^2 đất ở; 2.624,9m^2 đất trồng cây lâu năm; 40.454,5m^2 đất trồng lúa) và các tài sản gắn liền với đất nêu trên là tài sản chung của bà B và ông Q nên bà B được nhận ½ tài sản chung này, còn lại ½ tài sản là di sản của ông Q, cụ thể giá trị tài sản bà B được nhận là 4.945.814.460 đồng : 2 = 2.472.907.230 đồng và giá trị di sản ông Q là 2.472.907.230 đồng. Đồng thời, các đương sự đều thống nhất ông Q chết không để lại di chúc nên đối với di sản của ông Q sẽ được chia thừa kế theo quy định pháp luật, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q sẽ được hưởng kỷ phần theo quy định. Tuy nhiên, các đồng thừa kế của ông Q đều xác định hiện nay bà B là người thờ cúng ông Q. Xét thấy, cần chia bà B 01 kỷ phần đối với di sản của ông Q để lại cho bà B để bà B thờ cúng ông Q. Như vậy, di sản của ông Q để lại chia cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q; đồng thời bà B được nhận thêm 01 kỷ phần thờ cúng nên tổng kỷ phần được chia là 07 kỷ phần đối với ½ tổng giá trị các tài sản, cụ thể mỗi kỷ phần có giá trị là 353.272.000 đồng. Kỷ phần của anh H được chia các con của anh H gồm 5 phần, cụ thể: 353.272.000 đồng : 5 = 70.654.400 đồng.

[3.4] Mặt khác, chị Ch, chị Ph, cháu Tr, cháu Ch tự nguyện giao kỷ phần thừa kế của mình cho bà B nên bà B được nhận kỷ phần của chị Ch, chị Ph, cháu Tr, cháu Ch. Bà B đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Thị Kim D nên tạm giao kỷ phần của cháu D được nhận cho bà Bùi Thị B quản lý và bà B có trách nhiệm giao lại cho cháu D khi đủ 18 tuổi. Đối với kỷ phần thừa kế của cháu Ng và cháu V, mỗi cháu được hưởng 70.654.400 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn là bà Bùi Thị B tự nguyện giao giá trị kỷ phần mỗi cháu là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, sự tự nguyện của bà B trên mức giá trị kỷ phần của các cháu được hưởng, người đại diện cho cháu Ng, cháu V đồng ý nhận nên được ghi nhận. Bà Nguyễn Thị Tuyết M là người đại diện theo pháp luật cho cháu Ng và cháu V nên tạm giao kỷ phần thừa kế của 2 cháu cho bà Mai quản lý.

[3.5] Xét về yêu cầu nhận hiện vật: Bà Bùi Thị B yêu cầu nhận hiện vật là các quyền sử dụng đất là tài sản của bà và ông Q, hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế khác. Bị đơn là anh Kiều Thành C yêu cầu được nhận giá trị, không yêu cầu nhận hiện vật. Mặt khác, các đồng thừa kế khác có ý kiến là giao kỷ phần thừa kế của mình cho bà B được hưởng. Đồng thời, tại phiên toà các đương sự đều thừa nhận đã giao toàn bộ tài sản cho bà B quản lý, sử dụng. Do đó, cần giao toàn bộ hiện vật là tài sản của bà B và di sản là của ông Q cho bà B sử dụng và bà B có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế của ông Q.

[3.6] Đối với Hợp đồng thuê đất diện tích đất 720m^2 tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 32 giữa bà Bùi Thị B với anh Lê Hữu Ph lập ngày 08/02/2023, bà B và anh Phước thống nhất yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B, chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp tổng số tiền 34.096.888 đồng, nguyên đơn bà Bùi Thị B tự nguyện chịu toàn bộ và bà B đã dự nộp xong.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Bùi Thị B được nhận ½ giá trị tài sản 2.472.907.230 đồng và 2 kỷ phần thừa kế di sản của ông Q là 353.272.000 đồng x 2 = 706.544.000 đồng, tổng giá trị di sản bà B được nhận là 3.179.451.230 đồng. Bà B có đơn xin miễn án phí vì tuổi cao theo quy định của pháp luật nên được xét miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Đối với kỷ phần thừa kế của chị Ch, chị Kh, chị Ph, cháu Tr, cháu Ch cho bà Bùi Thị B tổng cộng là: (353.272.000 đồng x 3) + (70.654.400 đồng x 2) = 1.201.124.800 đồng thì bà B phải chịu án phí là 48.033.744 đồng.

Anh Kiều Thành C được nhận di sản thừa kế số tiền 353.272.000 đồng x 5% nên án phí anh C phải chịu 17.663.600 đồng.

Cháu Kiều Thị Kim D được nhận di sản thừa kế số tiền 70.654.400 đồng x 5% nên án phí cháu D phải chịu 3.532.720 đồng.

Cháu Kiều Bích Ng được nhận di sản thừa kế số tiền 100.000.000 đồng x 5% nên án phí cháu Ng phải chịu là 5.000.000 đồng.

Cháu Kiều Thành V được nhận di sản thừa kế số tiền 100.000.000 đồng x 5% nên án phí cháu V phải chịu là 5.000.000 đồng.

Bà Bùi Thị B tự nguyện chịu án phí thay cho cháu D cháu Ng và cháu V nên bà B phải có nghĩa vụ nộp. Tổng số tiền án phí bà B phải nộp là 61.566.464 đồng, nộp tại Cục Thi hành án tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 91, 157, 165, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612, 614, 623, 649,

650, 651, 652, 660, 668 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B đối với anh Kiều Thành C về yêu cầu chia thừa kế.

1.1/ Bà Bùi Thị B được toàn quyền sử dụng và sở hữu tổng diện tích đất 43.318,8m^2 (trong đó có 239,4m^2 đất ở; 2.624,9m^2 đất trồng cây lâu năm; 40.454,5m^2 đất trồng lúa) và các tài sản gắn liền với đất, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất số AO 020294, tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.382,1m^2 đất trồng lúa, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Q, bà B (thửa 79, chuyển nhượng Kiều Thị Kim Ph), cạnh dài 41,10m;

+ Hướng Tây giáp đất Cổn + Phúc, cạnh dài 66,90m;

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Văn Hoàng + Lê Thị Bông, cạnh dài 44,70m + 70,70m + 36,30;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Q, bà B + Trần Văn Hải, cạnh dài 36,20m + 24,70m + 114,60m.

- Quyền sử dụng đất số AO 020297, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 32, diện tích 5.010,8m^2 đất trồng lúa, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Q, bà B (thửa 177), cạnh dài 22,70m;

+ Hướng Tây giáp Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp, cạnh dài 23,80m;

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Kim Huệ + Võ Thị Sửu + ông Q, bà B (thửa 240), cạnh dài 13,18m + 43,52m + 82,0m + 64,0m + 10,20m;

+ Hướng Bắc giáp đất Trần Quốc Diễn + Nguyễn Thị Thu, cạnh dài 8.90m + 168,30m + 21,30m + 12,0m + 3,70m.

Hiện trạng: Trên đất có một quán bán nước, ăn uống chiều ngang 17,2m, chiều dài 21,6m, diện tích 371,520m^2, nền xi măng, mái lá + tôn lạnh, cột + đòn tay cây gỗ địa phương của anh Lê Hữu Ph thuê đất sử dụng diện tích 720m^2 theo hợp

đồng thuê đất lập ngày 08/02/2023. Diện tích còn lại là đất trồng lúa nước, có một phần đất vườn có một số loại cây trồng nhưng không yêu cầu.

- Quyền sử dụng đất số CD 891984, tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 77, có diện tích 1.112,2m^2 đất trồng cây lâu năm, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 12/9/2016 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất Kiều Thị Kh, cạnh dài 17,40m;

+ Hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 17,40m;

+ Hướng Nam giáp lộ ấp Phước Thuận đấu nối ra Quản lộ Phụng Hiệp, cạnh dài 75,35m + 2,87m;

+ Hướng Bắc giáp đất Kiều Thị Kim Ph, cạnh dài 2,57m + 11,98m + 1,69m + 10,01m + 24,69m + 9,60m + 37,38m.

Hiện trạng đất trồng cây lâu năm, có một nhà kho diện tích 243,0m^2 (6m x 40,5m), khung sườn bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tôn tiếp lô xi măng, nền xi măng; Hàng rào bê tông cốt thép cao 2m, dài 30,3m, diện tích 60,6m^2.

- Quyền sử dụng đất số AO 020295, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.219,8m^2 đất trồng lúa, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đường đất, cạnh dài 14,46m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Q, bà B, cạnh dài 14,47m;

+ Hướng Nam giáp đường nhựa, cạnh dài 84,30m;

+ Hướng Bắc giáp đất Kiều Thành C + Nguyễn Văn Khánh, cạnh dài 94,30m.

- Quyền sử dụng đất số AO 020296, tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.032m^2 đất trồng lúa, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đường Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp, cạnh dài 12,54m;

+ Hướng Tây giáp đường đất, cạnh dài 13,63m;

+ Hướng Nam giáp đường nhựa, cạnh dài 230,70m;

+ Hướng Bắc giáp đất Kiều Thành C+ Kiều Văn Hiệp + Nguyễn Văn Lâm cạnh dài 49,0m + 35,60m + 72,70m + 73,90m.

- Quyền sử dụng đất số AO 020298, tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 32, diện tích 12.493m^2 đất trồng lúa, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp kênh 1000, cạnh dài 49,30m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Q, bà B + Kiều Thị Kh, cạnh dài 26,80m + 33,0m + 22,70m;

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Văn Tâm + Võ Văn Lý + Võ Văn Thành, cạnh dài 109,50m + 41,50m + 26,60m + 36,10m + 38,70m;

+ Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Thị Thu, cạnh dài 24,40m + 89,30m + 113,10m.

- Quyền sử dụng đất số AO 020290, tại thửa đất số 959, tờ bản đồ số 09, diện tích 3.664,7m^2 đất trồng lúa, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Q, bà B (thửa số 55), cạnh dài 66,90m;

+ Hướng Tây giáp kêng 1000, cạnh dài 83,10m;

+ Hướng Nam giáp đất ông Bên, cạnh dài 74,80m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Trần Ngọc Ẩn (đã chuyển nhượng cho Cổn + Phúc), cạnh dài 36,10m.

- Quyền sử dụng đất số AO 020292, tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77, diện tích 239,4m^2 đất ở tại đô thị, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Q, bà B, cạnh dài 9,60m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Q, bà B, cạnh dài 10,0m;

+ Hướng Nam giáp đất ông Q, bà B, cạnh dài 24,70m;

+ Hướng Bắc giáp đất Kiều Thị Kim Ph, cạnh dài 9,19m + 0,06m + 15,420m.

Hiện trạng: Trên đất có nhà chính chiều ngang 8,7m, chiều dài 10m, diện tích 87m^2, kết cấu móng xây gạch, khung sườn cột gạch, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tôn lạnh, nền gạch men; Nhà giữa chiều ngang 8,7m, chiều dài 6,3m diện tích 54,81m^2, kết cấu móng bê tông cốt thép có gia cố cừ tràm, khung sườn bê tông cốt thép, vách xây tường, đòn tay gỗ dầu, mái lợp ngói, nền gạch men; Nhà sau chiều ngang 8,7m, chiều dài 7,7m, diện tích 66,99m^2, kết cấu nền móng bê tông cốt thép, khung sườn

bên tông cốt thép, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tôn xi măng, nền xi măng; Hàng rào bê tông cốt thép cao 2,0m, dài 16,5m, diện tích 33,0m^2.

- Quyền sử dụng đất số BY 633302, tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.512,7m^2 đất trồng cây lâu năm, do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 26/3/2015 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Q, bà B, cạnh dài 14,10m;

+ Hướng Tây giáp đất Kiều Thị Kh, cạnh dài 25,40m;

+ Hướng Nam giáp đường nhựa, cạnh dài 104,39m;

+ Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Thị Phương + Nguyễn Văn Hùng + Kiều Thành C, cạnh dài 8,0m + 19,70m + 1,90m + 75,20m + 8,50m.

- Quyền sử dụng đất số CN 583997 tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.798,7m^2 đất trồng lúa, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04/6/2018 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B, đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất bà Võ Thị Sửu, cạnh dài 12,74m + 20,74m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Q, bà B (thửa 177), cạnh dài 33m;

+ Hướng Nam giáp đất Kiều Thị Kh, cạnh dài 8,1m + 45,87m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Q, bà B, cạnh dài 43,55m + 13,15m

- Quyền sử dụng đất số CN 583998, tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 32, diện tích 5.853,4m^2 đất trồng lúa, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04/6/2018 cho ông Kiều Văn Q và bà Bùi Thị B; đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất Nguyễn Văn Tâm, cạnh dài 55,67m + 60,0m;

+ Hướng Tây giáp đất Võ Công Đoàn, cạnh dài 111,20m;

+ Hướng Nam giáp đất Võ Văn My, cạnh dài 50,09m;

+ Hướng Bắc giáp đất Kiều Thị Kh, cạnh dài 52,67m.

Bà Bùi Thị B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên.

1.2/ Buộc bà Bùi Thị B có trách nhiệm thanh toán cho:

- Anh Kiều Thành C số tiền 353.272.000 đồng;

- Cháu Kiều Thị Kim D số tiền 70.654.400 đồng, tạm giao bà Bùi Thị B quản lý và có nghĩa vụ giao lại cho cháu D khi cháu đủ 18 tuổi.

- Cháu Kiều Bích Ng và cháu Kiều Thành V số tiền 200.000.000 đồng (mỗi cháu là 100.000.000 đồng), tạm giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết M quản lý và có nghĩa vụ giao lại cho cháu Ng, cháu V khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp tổng số tiền 34.096.888 đồng, nguyên đơn bà Bùi Thị B tự nguyện chịu toàn bộ và bà B đã dự nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Bùi Thị B phải chịu án phí 48.033.744 đồng.

- Anh Kiều Thành C phải chịu án phí 17.663600 đồng.

- Cháu Kiều Thị Kim D phải chịu án phí 3.532.720 đồng.

- Cháu Kiều Bích Ng phải chịu án phí 5.000.000 đồng.

- Cháu Kiều Thành V phải chịu án phí 5.000.000 đồng.

Bà Bùi Thị B tự nguyện chịu án phí thay cho cháu D, cháu Ng và cháu V. Tổng số tiền án phí bà B phải nộp là 61.566.464 đồng, nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

Giang Thị Cẩm Thuý